

Số:796 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 27 tháng 08 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 228/TTr-SNNPTNT ngày 23/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 27 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Thú y, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 và Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 796 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|--|------------------------|---|--|---|------------------|---|
| I. TTHC được công bố tại Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | |
| LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT | | | | | | |
| 1 | 1.004493.000.00.00.H21 | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) | 10 ngày làm việc | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | 600.000 đồng/lần | Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. |
| 2 | 1.004509.000.00.00.H21 | Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương- | Không có | Quyết định số 4307/QĐ-BNNBVTV đã công bố mức phí theo Thông tư số 223/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, tuy nhiên Thông tư này đã hết hiệu lực. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|--|---|------------------|---|
| | | | | TP.Pleiku-Gia Lai. | | Hiện tại Thông tư số 33/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính không quy định mức phí đối với TTHC này. |
| 3 | 1.004363.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | - 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | 800.000 đồng/lần | Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. |
| 4 | 1.004346.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | - 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - 07 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | 800.000 đồng/lần | Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|-----------------------|------------------------|--|---|--|---|---|
| | | | <p>đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.</p> <p>- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ</p> | | | |
| LĨNH VỰC THÚ Y | | | | | | |
| 1 | 1.005327.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) | 20 ngày làm việc | Nộp hồ sơ qua Bru chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|--|--|--|---|
| | | | | | - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | |
| 2 | 2.002132.000.00.00.H21 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Cấp Tỉnh) | <p>- 14 ngày làm việc đối với trường hợp cấp, cấp lại do Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn (cắt giảm 01 ngày so với quy định)</p> <p>- 05 ngày làm việc đối với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY</p> | <p>Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | <p>- Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh doanh động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và</p> | <p>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.</p> |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|---------------------|--------------------|---|---|
| | | | | | <p>các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần</p> <p>- Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần</p> <p>* Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí</p> | |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|---|---|---|
| 3 | 1.005319.000.00.00.H21 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Cách thức thực hiện: Không quy định - Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. |
| 4 | 1.004022.000.00.00.H21 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | 15 ngày làm việc | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Phí Thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. |
| 5 | 1.003810.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | - 07 ngày làm việc: với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. - 17 ngày làm việc: với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương- | - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|--|---|---|
| | | | nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận | TP.Pleiku-Gia Lai. | chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | |
| 6 | 1.003781.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Cấp tỉnh) | 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Nộp hồ sơ qua Bureau chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|--|---|---|---|
| | | | | | tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | |
| 7 | 1.003619.000.00.00.H21 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại | 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|---|--|---|
| 8 | 1.003612.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản | <p>- 07 ngày làm việc: đối với trường hợp cơ sở đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá không quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</p> <p>- 17 ngày: đối với trường hợp cơ sở chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.</p> | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | <p>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p> | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 9 | 1.003589.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). | <p>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương</p> | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|---|---|---|
| | | | | Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | |
| 10 | 1.003577.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | 20 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Nộp hồ sơ qua Bru chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | - Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|---|---|--|--|
| | | | | | hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | |
| 11 | 2.001064.000.00.00.H21 | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) | - 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới; - 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn. | - Cách thức thực hiện: Không quy định - Địa điểm thực hiện: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. |
| 12 | 1.002338.000.00.00.H21 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh | - Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông | - Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|--|---|-----------------|---|
| | | | <p>vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch,</p> <p>- Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa</p> | <p>thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | ngày 14/11/2016 | Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|---|--------------------|-------------|---|
| | | | <p>được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng:</p> <p>+ 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương quyết định và thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch.</p> <p>+ 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên</p> | | | |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|---|---|---|---|
| | | | ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | | | |
| 13 | 1.002239.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | 13 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ) | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000đ/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. |
| 14 | 2.000873.000.00.00.H21 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi | - Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y; + Trong thời hạn 01 ngày | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | - Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT- |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|--|---|--|---|
| | | địa bàn cấp tỉnh | <p>làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p> <p>- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: cấp Giấy chứng nhận</p> | <p>tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | <p>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p> | <p>BTC ngày 01/01/2017 của Bộ Tài chính.</p> |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|--|---|--|--|
| | | | kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch | | | |
| 15 | 1.001686.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000đ/lần | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. |
| 16 | 1.001094.000.00.00.H21 | Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm | - Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch - Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày bắt | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | - Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 | Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính; Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|---------------------------|------------------------|--|---|--|--|---|
| | | | đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch | | | |
| LĨNH VỰC CHĂN NUÔI | | | | | | |
| 1 | 1.008129.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với | - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: + Kiểm tra tính đầy đủ | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp | - Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá | Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|---|--|---|
| | | chăn nuôi trang trại quy mô lớn | <p>của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> | <p>trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | <p>giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> | Bộ Tài chính. |
| 2 | 1.008126.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng. | <p>a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc:</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ</p> | <p>Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông</p> | <p>- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000</p> | <p>Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.</p> |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|---|---|--|---|
| | | | <p>của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 20</p> | <p>ngành và Phát triển Nông thôn).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | <p>đồng/01 cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> | |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|---------|------------------------|---|--------------------|-------------|---|
| | | | <p>ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>+ Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá điều kiện thực tế.</p> <p>b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường</p> | | | |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|--|--|---|---|---|
| | | | <p>mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. | | | |
| 3 | 1.008128.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn | <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. - Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: + Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc. | Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần. | Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|----|------------------------|---|---|--|---|---|
| | | | + Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. | | | |
| 4 | 1.008127.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng | <p>Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.</p> <p>- Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng:</p> <p>+ Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận đủ</p> | <p>Nộp hồ sơ qua Bưu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).</p> <p>Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai.</p> | <p>- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần</p> <p>- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</p> | <p>Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính.</p> |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|---|------------------------|--|---|---|-------------|---|
| | | | điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. | | | |
| Lưu ý: Đối với các thủ tục hành chính thuộc Lĩnh vực Chăn nuôi kể từ ngày 17/5/2021 đến hết ngày 31/12/2021 áp dụng mức thu bằng 50 % mức thu phí theo Thông tư số 24/2021/TT-BTC; kể từ ngày 01/01/2022 trở đi áp dụng mức thu phí theo Quyết định công bố này. | | | | | | |
| LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN | | | | | | |
| 1 | 2.001838.000.00.00.H21 | Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ | a) Xử lý hồ sơ: Trong thời gian không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thu hoạch b) Xử lý hồ sơ và cấp giấy chứng nhận: Trong thời gian 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu kiểm soát thu hoạch | Nộp hồ sơ qua Buu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Không có | Quyết định 2316/QĐ-BNN-QLCL công bố mức phí 40.000 đồng theo Thông tư 107/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, tuy nhiên hiện nay Thông tư này đã bị thay thế bởi Thông tư 286/2016/TT-BTC và Thông tư số 44/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. |

| TT | Mã TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí |
|---|------------------------|---|---|---|-------------|---|
| 2 | 2.001241.000.00.00.H21 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò | a) Cơ quan kiểm soát cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho các lô nguyên liệu NT2MV được kiểm soát ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường. b) Trường hợp đại diện Cơ quan kiểm soát chưa ký tên và chưa đóng dấu của Cơ quan kiểm soát trên Giấy chứng nhận xuất xứ tại hiện trường, Cơ quan kiểm soát tổ chức cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường. | Nộp hồ sơ qua Buu chính công ích hoặc qua môi trường mạng hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai. | Không có | Quyết định 2316/QĐ-BNN-QLCL công bố mức phí 40.000 đồng theo Thông tư 107/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, tuy nhiên hiện nay Thông tư này đã bị thay thế bởi Thông tư 286/2016/TT-BTC và Thông tư số 44/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính. |
| II. TTHC được công bố tại Quyết định số 3585/QĐ-BNN-VP ngày 18/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | | | | | | |
| LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT | | | | | | |
| 1 | 1.003984.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật | 24 giờ | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương-TP.Pleiku-Gia Lai | Không có | Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính. |